



Tibaco

TIA SANG BATTERY JOINT STOCK COMPANY



Do người tiêu dùng
bình chọn

ISO 9001:2015
ISO 14001:2015



CÔNG TY CỔ PHẦN ẮC QUY TIA SÁNG

Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, TP. Hải Phòng, Việt Nam

ĐT: (0225) 3 857 080 - Fax: (0225) 3 835 876

Email: info@tiasangbattery.com - Website: www.tiasangbattery.com



Công ty Cổ phầnẮc quy Tia Sáng (TIBACO) là đơn vị đầu tiên sản xuất ắc quy tại Việt Nam, được thành lập ngày 02/09/1960, cổ phần hoá năm 2004. Địa chỉ: Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương, TP Hải Phòng. Diện tích mặt bằng: 35.000m²

Sản phẩm:

Công ty sản xuất trên 120 chủng loại ắc quy chì-axit bao gồm các dòng sản phẩm:

- Ắc quy tích điện khô, ắc quy kín khí (12V, có dung lượng 4,5Ah đến 12Ah) sử dụng cho xe máy.
 - Ắc quy dân dụng (12V, có dung lượng 20Ah đến 30Ah) sử dụng cho thắp sáng.
 - Ắc quy khởi động tích điện khô, ắc quy khởi động miễn bảo dưỡng - MF (12V, có dung lượng 35Ah đến 230Ah) sử dụng cho ô tô, tàu thuyền, máy bay, xe tăng...
 - Ắc quy công nghiệp kín khí: loại 2V (dung lượng 60Ah đến 1200Ah), 6V (dung lượng 1,2Ah đến 200Ah) và 12V (dung lượng 1,2Ah đến 230Ah) sử dụng cho viễn thông, điện lực, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, tín hiệu giao thông, xe đạp điện, UPS,...
- Các chủng loại ắc quy mang nhãn hiệu TS, TiaSang, Phoenix, Eversun, Elnika, E&P... được sản xuất theo công nghệ Hàn Quốc trên dây chuyền thiết bị hiện đại của các nước trên thế giới: Mỹ, Anh, Ý, Hàn Quốc, Đài Loan.

Hệ thống quản lý chất lượng, môi trường:

TIBACO đảm bảo chất lượng ổn định và thân thiện với môi trường bởi việc vận hành và quản lý bằng: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.

Hệ thống phân phối và dịch vụ sau bán hàng:

Sản phẩm ắc quy Tia Sáng được phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc thông qua các Nhà phân phối/Đại lý, tạo điều kiện thuận lợi cho người tiêu dùng tìm mua sản phẩm của TIBACO. Ngoài ra sản phẩm TIBACO được xuất khẩu sang các nước như: Châu Á (Hàn Quốc, Philippin, Campuchia, Myanmar, Lào, Yemen, Syria), Châu Âu (Thụy Điển, Anh, Cộng Hoà Séc), Châu Phi (Angola, Camaroon), Châu Mỹ (Venezuela),...

TIBACO thực hiện chính sách "Bảo hành toàn quốc". Sản phẩm được bảo hành tại các Nhà phân phối/Đại lý với dịch vụ hoàn hảo.

Danh hiệu:

Trong quá trình xây dựng và phát triển Công ty Cổ phầnẮc quy Tia Sáng vinh dự, tự hào được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc Lập hạng Ba, Huân chương Lao Động hạng Nhất, Cờ thi đua Xuất sắc, Bằng khen của Chính phủ và Bộ Công thương. Sản phẩm TIBACO nhiều năm được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam Chất lượng cao.

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Chất lượng là sự tồn tại và phát triển của Công ty Cổ phầnẮc quy Tia Sáng.

Chúng tôi cam kết thoả mãn mọi nhu cầu đã được thoả thuận với khách hàng, cung cấp các sản phẩm ắc quy và dịch vụ kỹ thuật với chất lượng cao, giá cả hợp lý và giao hàng đúng thời hạn trên những nguyên tắc sau đây:

- Xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- Tăng cường đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến để tạo ra năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.
- Liên tục đào tạo nâng cao trình độ và kỹ năng cần thiết cho CBCNV. Tạo mọi điều kiện cho mỗi cá nhân tự do sáng tạo và phát huy năng lực của mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Liên tục tự hoàn thiện hệ thống chất lượng và cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



BẢO HÀNH TRÊN TOÀN QUỐC



ẮC QUY DÙNG CHO XE MÁY

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
ẮC QUY TÍCH ĐIỆN KHÔ									
1	12N5	12	5	120	60	130	130	T6	B
ẮC QUY KÍN KHÍ									
1	TSM 1250S	12	4.5	112	68	89	89	T9	B
2	TSM 1250W	12	5	136	75	94	94	T9	A
3	TSM 1260W	12	6	113	70	106	106	T8	B
4	TSM 1260H	12	6	121	61	130	130	T9	B
5	TSM 1270MFH	12	7	114	70	133	133	T8	B
6	TSM 1270MFW	12	7	151	87	95	95	T7	A
7	TSM 1270	12	7	150	60	130	130	T6	A
8	TSM 1290	12	9	151	87	106	106	T9	A
9	TSM 12120H	12	12	151	87	132	132	T7	A

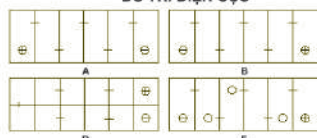
ẮC QUY DÂN DỤNG

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	N20	12	20	235	94	170	192	T4	E
2	N25	12	25	235	94	170	192	T4	E
3	N28	12	28	235	94	170	192	T4	E
4	N30Z	12	30	276	96	170	190	T4	E

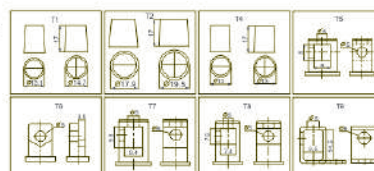
ẮC QUY KHỞI ĐỘNG

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	NS40Z (R/L)	12	35	196	127	200	224	T1	A/B
2	NS40Z (R/L)S	12	35	196	127	200	224	T2	A/B
3	NS60 (R/L)	12	45	236	127	200	224	T1	A/B
4	NS60 (R/L)S	12	45	236	127	200	224	T2	A/B
5	N50 (R/L)	12	50	258	171	200	224	T2	A/B
6	N50Z (R/L)	12	60	258	171	200	224	T2	A/B
7	NS70 (R/L)	12	65	258	171	200	224	T2	A/B
8	N70 (R/L)	12	70	302	171	200	224	T2	A/B
9	N85 (R/L)	12	85	302	171	200	224	T2	A/B
10	N100	12	100	406	172	209	232	T2	A
11	N120	12	120	498	182	210	257	T2	D
12	N150S	12	135/140	506	220	210	257	T2	D
13	N150	12	150	506	220	210	257	T2	D
14	N200S	12	182	518	276	215	266	T2	D
15	N200	12	200	518	276	215	266	T2	D
16	N200Z	12	210	518	276	215	266	T2	D
17	N200Z	12	230	518	276	215	266	T2	D
18	N200CAT	12	170/200	512	223	196	228	T2	D

BỐ TRÍ ĐIỆN CỰC



TIÊU CHUẨN ĐIỆN CỰC

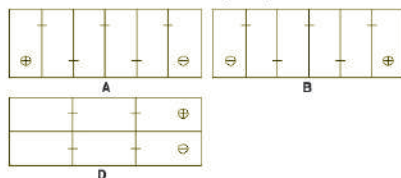




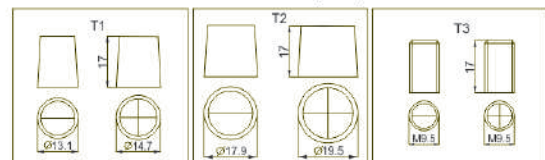
ẮC QUY KHỞI ĐỘNG MIỄN BẢO DƯỠNG

STT	Chủng loại		Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
	TIBACO	Old JIS/DIN			Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	MF 44B19 (R/L)	NS40Z (R/L)	12	40	196	127	200	224	T1	A/B
2	MF 44B19 (R/L)S	NS40Z (R/L)S	12	40	196	127	200	224	T2	A/B
3	MF 44B19F (R/L)	NS40Z (R/L)	12	40	196	136	200	224	T1	A/B
4	MF 50B24 (R/L)	NS60 (R/L)	12	45	236	127	200	224	T1	A/B
5	MF 50B24 (R/L)S	NS60 (R/L)S	12	45	236	127	200	224	T2	A/B
6	MF 55D23 (R/L)		12	60	230	171	200	224	T2	A/B
7	MF 75D23 (R/L)		12	65	230	171	200	224	T2	A/B
8	MF 48D26 (R/L)	N50 (R/L)	12	50	258	171	200	224	T2	A/B
9	MF 55D26 (R/L)	N50Z (R/L)	12	60	258	171	200	224	T2	A/B
10	MF 80D26 (R/L)	NX110-5 (R/L)	12	70	258	171	200	224	T2	A/B
11	MF 65D31 (R/L)	N70 (R/L)	12	70	302	171	200	224	T2	A/B
12	MF 95D31 (R/L)	NX120-7 (R/L)	12	80	302	171	200	224	T2	A/B
13	MF 105D31 (R/L)		12	90	302	171	200	224	T2	A/B
14	MF 31S-800		12	100	330	172	218	245	T3	A
15	MF 31A-800		12	100	330	172	218	238	T2	A
16	MF 135F51		12	120	506	180	210	234	T2	D
17	MF 160G51		12	150	506	220	210	234	T2	D
18	MF 210H52		12	200	518	266	216	240	T2	D
19	MF 54519	DIN45 L	12	45	240	174	175	175	T2	B
20	MF 55565	DIN55 R	12	55	240	174	190	190	T2	A
21	MF 55559	DIN55 L	12	55	240	174	190	190	T2	B
22	MF 56318	DIN63 L	12	63	276	174	175	175	T2	B
23	MF 56633	DIN66 R	12	66	276	174	190	190	T2	A
24	MF 56638	DIN66 L	12	66	276	174	190	190	T2	B
25	MF 58821	DIN88 R	12	88	350	174	190	190	T2	A
26	MF 58827	DIN88 L	12	88	350	174	190	190	T2	B

BỐ TRÍ ĐIỆN CỰC



TIÊU CHUẨN ĐIỆN CỰC





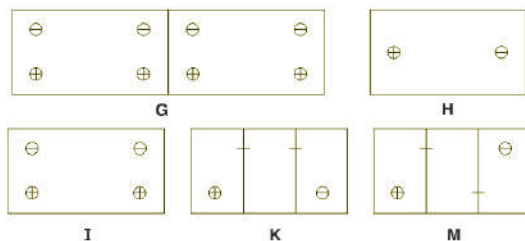
ẮC QUY CÔNG NGHIỆP KÍN KHÍ 2V

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	TS2600	2	60	173	111	329	365	T17	H
2	TS21000	2	100						
3	TS21200	2	120						
4	TS21500	2	150						
5	TS22000	2	200						
6	TS22500	2	250	171	151	330	366	T17	H
7	TS23000	2	300						
8	TS24000	2	400	211	176	329	367	T17	I
9	TS25000	2	500						
10	TS26000	2	600						
11	TS210000	2	1000	475	175	328	365	T17	G
12	TS212000	2	1200						

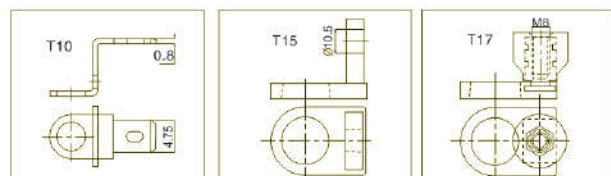
ẮC QUY CÔNG NGHIỆP KÍN KHÍ 6V

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	TS650	6	5	70	48	101	106	T10	M
2	TS6120	6	12	151	50	95	101	T10	K
3	TS61000	6	100	323	178	224	248	T15	M
4	TS61500	6	150	323	178	224	248	T15	M
5	TS62000	6	200	323	178	224	248	T15	M

BỐ TRÍ ĐIỆN CỰC



TIÊU CHUẨN ĐIỆN CỰC





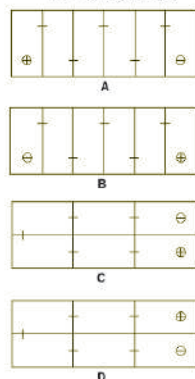
ẮC QUY CÔNG NGHIỆP KÍN KHÍ 12V

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	TS1212	12	1.2	97	48	52	57	T10	D
2	TS1250	12	5	90	70	101	107	T10	A
3	TS1275	12	7.5	151	65	95	102	T10/T11	C
4	TS12120	12	12	151	96	95	102	T10/T11	C
5	TS12180	12	18	181	76	167	167	T12	A
6	TS12240W	12	24	166	176	126	126	T12	B
7	TS12240H	12	24	185	106	132	135	T13	C
8	TS12310	12	31	196	130	158	177	T14	A
9	TS12400	12	40	198	166	170	170	T14	B
10	TS12700	12	70	350	167	179	189	T14	A
11	TS12750	12	75	350	167	179	189	T14	A
12	TS12800	12	80	330	173	216	223	T18	A
13	TS121000	12	100	330	173	216	223	T18	A
14	TS121200	12	120	522	240	218	224	T18	D
15	TS121500	12	150	522	240	218	224	T18	D
16	TS122000	12	200	522	240	218	224	T18	D
17	TS122300	12	230	522	268	220	248	T15	D
18	TS121050H	12	105	550	105	316	316	T16	D
19	TS121800H	12	180	562	126	316	316	T16	D

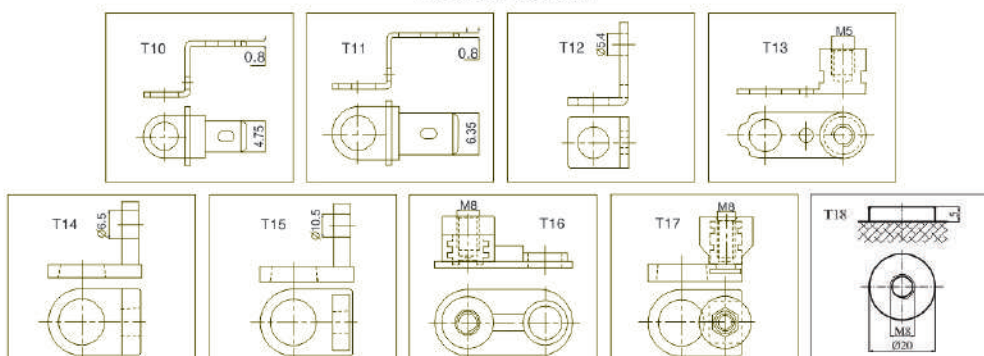
ẮC QUY DÙNG CHO XE ĐẠP ĐIỆN, XE MÁY ĐIỆN

STT	Chủng loại	Điện thế (V)	Dung lượng 20h (Ah)	Kích thước (mm)				Tiêu chuẩn điện cực	Bố trí điện cực
				Dài	Rộng	Cao	Tổng cao		
1	TS12140	12	14	151	99	100	102	T13	C
2	TS12200	12	20	182	78	170	170	T13	B

BỐ TRÍ ĐIỆN CỰC



TIÊU CHUẨN ĐIỆN CỰC



LĨNH VỰC SỬ DỤNG ẮC QUY CÔNG NGHIỆP KÍN KHÍ

* Ắc quy kín khí có dung lượng từ 1,2Ah đến 1200Ah được sử dụng cung cấp nguồn điện cho:

- | | | | |
|-------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|------------------------------|
| - Thiết bị thông tin liên lạc | - Truyền hình cáp | - Thiết bị hàng hải | - Máy bán hàng tự động |
| - Máy tính | - Thiết bị báo cháy, báo trộm | - Bộ vi xử lý thiết bị văn phòng | - Hệ thống cung cấp liên tục |
| - Thiết bị kiểm tra dùng điện | - Bộ lưu điện UPS | - Dụng cụ dùng điện | - Hệ thống viễn thông |
| - Xe đạp, xe máy điện | - Hệ thống chiếu sáng khẩn cấp | - Trạm năng lượng | - Thiết bị năng lượng điện |
| - Thiết bị quốc phòng | - Hệ thống an toàn năng lượng | - Thiết bị chiếu sáng khẩn cấp | - Thiết bị bảo động |
| - Hệ thống năng lượng gió | - Thiết bị kiểm tra viễn thông | - Thiết bị điện toán | - Trạm điện |
| - Thiết bị y tế | - Hệ thống năng lượng mặt trời | - Đồ chơi | |

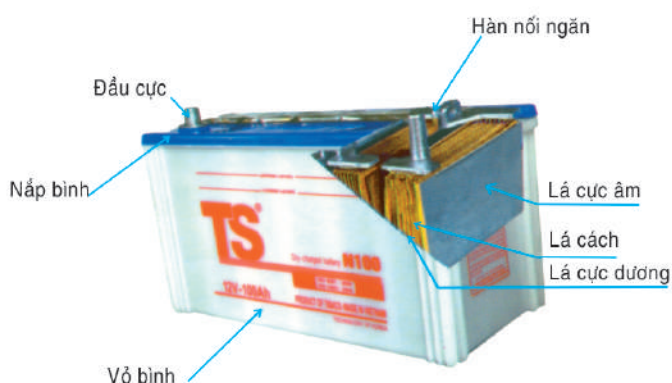
CHÚ Ý LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG ẮC QUY

- Lựa chọn Ắc quy phù hợp với mục đích sử dụng (điện thế, dung lượng, kích thước, chủng loại Ắc quy).
- Phải dừng phóng và nạp điện ngay khi điện thế 1,75V/ắc quy 2V; 5,25V/ắc quy 6V và 10,5V/ắc quy 12V.
- Với Ắc quy tích điện khô trong quá trình sử dụng nếu điện dịch bị cạn chỉ được bổ sung bằng nước cất hoặc nước sạch khoáng chất, cao hơn lá cách 10mm đến 15mm hoặc ở khoảng giữa 2 vách (upper và lower) ghi trên vỏ bình. Không được bổ sung dung dịch axit ở bất kỳ nồng độ nào.
- Nạp điện:
 - * Với Ắc quy tích điện khô nạp phương pháp dòng điện không đổi $I_{\text{nạp}} = 0,05C_{20}$ (A) đến khi điện dịch sủi tăm mạnh đều, điện thế và tỷ trọng điện dịch không thay đổi 3 giờ.
 - * Với Ắc quy kín khí, nạp phương pháp điện thế không đổi. Dòng nạp lớn nhất $\leq 0,25C_{20}$
 - + Khi phụ nạp thường xuyên: $U_{\text{nạp}} = 2,25$ đến $2,35\text{V}$ /ắc quy 2V; $6,75$ đến $6,95\text{V}$ /ắc quy 6V; $13,50$ đến $13,90\text{V}$ /ắc quy 12V.
 - + Khi nạp chu kỳ: $U_{\text{nạp}} = 2,35$ đến $2,50\text{V}$ /ắc quy 2V; $7,20$ đến $7,50\text{V}$ /ắc quy 6V; $14,40$ đến $15,00\text{V}$ /ắc quy 12V.
- Ắc quy chưa sử dụng cần bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

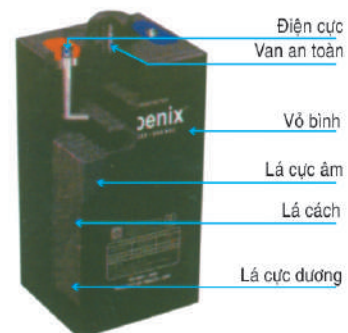
ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT NỔI BẬT CỦA ẮC QUY KÍN KHÍ

- Có cấu trúc kín hoàn thiện, không cần bổ sung nước cất và đo tỷ trọng điện dịch trong suốt quá trình sử dụng.
- Giảm tối đa vị trí lắp đặt do ắc quy được thiết kế gọn.
- Ắc quy được chế tạo bằng các phụ kiện có độ dẫn điện tốt nên điện trở thấp, điều đó cho phép ắc quy có khả năng phóng dòng cao.
- An toàn khi sử dụng: Không có điện dịch axit và khí thoát ra ngoài trong quá trình sử dụng ắc quy.
- Có thể sử dụng thành công suất lớn: Khi đấu nối hỗn hợp (nối tiếp và song song) nhiều bình với nhau.

CẤU TRÚC ẮC QUY TÍCH ĐIỆN KHÔ



CẤU TRÚC ẮC QUY KÍN KHÍ





Hệ thống đúc khuôn tự động Mỹ



Hệ thống tráng cao tự động Mỹ



Máy gấp lá cách tự động BM Áo



Hệ thống lắp tự động



Hệ thống hàn chum tự động Anh



Hệ thống xử lý mùn axit hóa thành

CÁC CHI NHÁNH CỦA CÔNG TY

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 18 ngách 34/238 Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

ĐT : (024) 3972 8094

Fax : (024) 3972 8095

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 800 Nguyễn Lương Bằng, Hoà Hiệp Nam, Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

ĐT : (0236) 372 4939

Fax : (0236) 372 0486

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 63 đường S11, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

ĐT : (028) 3815 0095

Fax : (028) 5435 5798

Chi nhánh Quảng Ninh

Địa chỉ: Số 773 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

ĐT : (0203) 3823 437

Chi nhánh Thái Nguyên

Địa chỉ: Số 257 Đường Thống Nhất, Gia Sàng, TP. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

ĐT : (0208) 3856 372



CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

★ Hải Phòng:

Cửa hàng số 1:	Đường 208 Đại lộ Tôn Đức Thắng, An Đồng, An Dương
Cửa hàng số 2:	Số 97 Đường Hà Nội, Sở Dầu, Hồng Bàng
Cửa hàng số 3:	Số 3 Lê Thánh Tông, Máy Tơ, Ngô Quyền
Cửa hàng số 4:	Ki ốt số 2 Vườn Hoa Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền
Cửa hàng số 5:	Quầy 29 Chợ Sắt, Phạm Hồng Thái, Hồng Bàng

ĐT: 0225.3857 626
ĐT: 0225.3850 629
ĐT: 0225.3551 294
ĐT: 0225.3859 291
ĐT: 0225.3831 590